TAND HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/DS - ST
Ngày 09 tháng 5 năm 2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA – THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Hỷ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Nhất;
2. Bà Nguyễn Thị Hưng;

-Thư ký phiên tòa: Ông Bà Phạm Thị Xuân – Thư ký TAND huyện Quan Hóa;

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 5 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa – Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST – DS ngày 14/12/2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐST – DS, ngày 11/4/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hà Thị L – sinh năm 1982 (có mặt);
Địa chỉ: thôn MT, xã HC, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Hà Thị U – sinh năm 1985 (có mặt);
Địa chỉ: bản E, xã Th, huyện QH, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Nguyễn Văn S - sinh năm 1980(có mặt);
Địa chỉ: bản E, xã Th, huyện QH, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1930(vắng mặt).
Địa chỉ: thôn MT, xã HC, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Hà Thị L trình bày:

Chị và chị Hà Thị U là chị em gái trong gia đình. Do chị U cần tiền làm ăn buôn bán và đảo sổ ngân hàng nên vào ngày 25/4/2017 chị cho chị U vay số tiền

50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 08 tháng không tính lãi; tiếp đến vào ngày 25/12/2017 chị L tiếp tục cho chị U vay số tiền 200.000.000đ, cam kết trả góp mỗi tháng 6.000.000đ(sáu triệu đồng)/tháng kể từ tháng 01/2018 cho đến khi trả hết số tiền nợ. Ngày 10/02/2018 chị L lại tiếp tục cho chị U vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng không tính lãi, những lần vay tiền các bên đều lập giấy vay tiền, có chữ ký của các bên. Quá trình thực hiện các hợp đồng vay, chị U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như đã cam kết, nên khoản vay 200.000.000đ ngày 25/12/2017 chị L đã yêu cầu chị U viết lại giấy vay của khoản tiền này và yêu cầu trả lãi 1%/năm. Chị U tiếp tục vi phạm hợp đồng vay, chị L đã nhiều lần thông báo việc trả nợ cho chị U nhưng không thực hiện việc trả nợ, cho đến thời điểm hiện nay chị U chưa thanh toán cho chị L được khoản tiền nào.

Vì vậy chị L khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa đề nghị bị đơn Hà Thị U phải có trách nhiệm trả nợ cho chị số tiền gốc là 270.000.000đ(Hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vi phạm hợp đồng đến thời điểm xét xử.

Ngày 01/4/2019 nguyên đơn Hà Thị L có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của khoản vay.

Tại phiên tòa nguyên đơn Hà Thị L thay đổi một phần yêu cầu cầu khởi kiện của mình, rút yêu cầu về lãi suất và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa buộc bị đơn Hà Thị U phải trả cho chị tiền nợ gốc là 270.000.000đ.

Tại các bản tự khai, bản ý kiến và biên bản đối chất, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Hà Thị U trình bày: Chị L và chị là chị em ruột trong gia đình, chị L lấy chồng xuống xã HC, huyện Hoằng Hóa. Do chị L vay mượn bên ngoài nhiều, bị người ta đòi nợ, nên vào khoảng năm 2017 và đầu năm 2018 chị L có lên nhà chị U và nói với chị U là em thương chị em ký vào các giấy vay nợ dùm chị, vì chồng chị là đảng viên, người ta đến đòi nợ, thấy giấy vay nợ người ta thì chồng chị sẽ đánh chị, chỉ cần em ký chị sẽ lo tất cả, chị sẽ không làm ảnh hưởng đến em, vì nếu chị nói chị vay tiền để cho em vay thì anh ta sẽ không làm gì chị được. Vì thương chị L mà chị U ký vào các giấy tờ đó chứ thực tế chị U không được nhận bất cứ khoản tiền nào của chị L. Chị U cho rằng bản thân không có nhu cầu vay tiền của chị L, các giấy vay tiền đó là chị L nhờ chị ký nên nghĩ thương chị thì chị ký vào chứ chị không được nhận khoản tiền nào từ chị L, nên chị không đồng ý việc trả nợ cho chị L.

Tại các bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S trình bày: Việc vay mượn làm ăn giữa chị U với chị L như thế nào anh không biết, quá trình làm nhà vợ chồng có vay mượn để làm nhưng anh không vay chị L, vợ anh có vay tiền chị L hay không thì anh không biết và cũng không nghe chị U nói. Vợ chồng anh thỉnh thoảng có về thăm quê và có qua nhà chị L chơi một vài lần nhưng anh khẳng định chỉ đến nhà chị L chơi chứ anh không đến để vay tiền và chị L có trình bày lần vay 200.000.000đ trước đó anh có gọi điện cho chị L để hỏi vay là không đúng, anh không thừa nhận việc gọi điện cho chị L để hỏi vay tiền. Việc chị L và vợ anh là chị

U có vay tiền của nhau hay không thì anh không biết, vì không nghe chị U nói. Do vậy anh cho rằng anh không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa chị L và vợ anh.

Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị H trình bày: Cách đây khoảng 2 năm, bà không nhớ rõ ngày, tháng cụ thể vợ chồng chị U và anh S có xuống nhà hỏi vay tiền của chị L, do bà ở cùng với vợ chồng chị L nên bà nghe chị U hỏi chị L vay tiền để làm ăn, sau đó bà nhìn thấy chị L đưa tiền cho chị U ở trên tầng 2. Số tiền chị L cho chị U vay bao nhiêu thì bà không biết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật và đúng thời hạn; xác định đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại phiên tòa đúng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa diễn ra đúng các thủ tục quy định.

- Đối với việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa được quy định tại điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 274, 275, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 21; Khoản 2 Điều 26; 147, 235, 244, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc 270.000.000đ và đình chỉ yêu câu cầu về lãi suất, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Hà Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn Hà Thị U trả số tiền vay 270.000.000đ. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Hà Thị U có nơi cư trú tại bản E, xã Th, huyện QH, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1

Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai nại của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Hà Thị L trình bày: năm 2017 và đầu năm 2018 chị Hà Thị U có vay của chị 03 lần, tổng số tiền là 270.000.000đ. Lời khai của nguyên đơn Hà Thị L phù hợp với các giấy vay tiền đề ngày 25/4/2017, 25/12/2017(thỏa thuận lại về lãi suất ngày 25/01/2018) và 10/02/2018 mà chị L đã cung cấp cho Tòa án và phù hợp với lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị H. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Hà Thị U thừa nhận các giấy tờ vay mà chị L cung cấp cho Tòa án là do chị viết, nhưng chị U cho rằng do chị L nhờ chị ký và do thương chị nên chị ký vào các giấy tờ vay đó chứ thực sự chị không được nhận bất cứ một khoản tiền nào từ chị L, do đó chị không nợ chị L nên chị không có trách nhiệm phải trả nợ cho chị L. Khai nại này của chị U không được chị L chấp nhận, chị L cho rằng gia đình chị không có khó khăn về kinh tế như chị U trình bày, nhà chị có 4 chị em gái tại sao chị không nhờ các chị em gái khác ký vào giấy vay mà phải nhờ chị U?, hơn nữa chị U lâu nay làm nghề kinh doanh buôn bán nên chị tin tưởng cho chị U vay tiền, chị U là người có trình độ học vấn 12/12 chắc chắn sẽ nhận thức được trách nhiệm của mình khi ký vào các giấy vay tiền đó, không có chuyện chị U giúp chị mà ký bừa vào các giấy vay đó, chỉ khi chị U nhận được tiền thì mới ký vào các giấy vay chị đã giao nộp cho Tòa án. Chị U cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh chị L có hành vi lừa dối để chị ký vào các giấy vay tiền. Do đó,có căn cứ để xác định chị Hà Thị U có vay của chỉ Hà Thị L số tiền 270.000.000đ như chị L đã trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh S trình bày anh không liên quan đến việc vay mượn tiền với chị L, việc chị U có vay tiền của chị L hay không thì anh không biết, vì chị U không nói với anh. Chị L trình bày anh có đi cùng chị U xuống nhà chị L vay tiền và gọi điện thoại cho chị L hỏi vay tiền là không đúng. Anh S thừa nhận có cùng chị U đến nhà chị L vài lần vì lâu ngày vợ chồng anh về quê nên tranh thủ đến chơi thăm anh chị chứ không đến để vay tiền như chị L và người làm chứng Nguyễn Thị H trình bày. Lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được chị L chấp nhận, chị L cho rằng anh S mặc dù không được nhận tiền trực tiếp từ chị, nhưng anh S biết việc chị cho chị U vay tiền, vì có lần thì cả hai vợ chồng anh S đến nhà chị để vay tiền và có lần thì anh S gọi điện trực tiếp cho chị để hỏi vay tiền và số tiền vay này được dùng để làm ăn buôn bán, đảo sổ ngân hàng và một phần trả nợ tiền xây nhà.

Trong các giấy vay tiền đề ngày 25/4/2017; 25/12/2017 và 10/02/2018 không thể hiện lãi suất, giấy vay tiền ngày 25/01/2018 là thỏa thuận mới của giấy vay tiền ngày 25/12/2017 thể hiện lãi suất 1%/năm và đều thể hiện thời hạn trả nợ, do chị U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và nhiều lần vi phạm hợp đồng. Chị L đã nhiều lần đòi nợ nhưng chị U không trả, chị L đã nhiều lần thông báo cho chị U trả nợ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nhưng chị U vẫn không thực hiện

trả nợ theo yêu cầu của chị L. Vì vậy, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Hà Thị U trả số tiền nợ gốc 270.000.000đ là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tiền lãi: Trong đơn khởi kiện chị Hà Thị L yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Hà Thị U phải trả tiền lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vi phạm hợp đồng cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Hà Thị L rút phần yêu cầu khởi hiện về tiền lãi, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Hà Thị U trả số tiền nợ gốc 270.000.000đ. Việc nguyên đơn Hà Thị L rút phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định việc vay nợ giữa bị đơn Hà Thị U với nguyên đơn Hà Thị L số tiền 270.000.000đ(hai trăm bảy mươi triệu đồng) như nguyên đơn yêu cầu trong đơn khởi kiện là có thật, quá trình thực hiện hợp đồng vay bị đơn Hà Thị U chưa trả cho nguyên được khoản tiền nào. Việc chị U vay tiền của chị L, anh S biết và số tiền đó dùng buôn bán làm ăn, đảo sổ ngân hàng và trả tiền xây nhà..... Do đó, anh S phải có trách nhiệm liên đới cùng với chị U trả nợ cho chị Lệ số tiền 270.000.000đ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị L là phù hợp với các Điều 274, 275, 463, 466, 470 BLDS 2015; khoản 3 Điều 26 BLTTDS; Điều 27,37 Luật HNGĐ 2015. Buộc các đương sự Hà Thị U, Nguyễn Văn S phải liên đới trả nợ cho nguyên đơn Hà Thị L số tiền là: **270.000.000đ**(Hai trăm bảy mươi triệu đồng)

Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Hà Thị L được Tòa án chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và điểm b tiểu mục 1.3, mục II danh mục án phí Tòa án. Mức án phí mà chị U, anh S phải nộp là: 13.500.000đ (270.000.000đ x 5%).

Hoàn trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004142 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quan Hóa

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 244,266, 271 và 273 BLTTDS 2015;

Căn cứ vào các Điều 274, 275, 463, 466, 470 BLDS 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và điểm b tiểu mục 1.3, mục II danh mục án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị L.

2.Buộc bị đơn Hà Thị U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S có trách nhiệm liên đới trả cho chị Hà Thị L số tiền là **270.000.000đ**(Hai trăm bảy mươi triệu đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi hành án yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất giới hạn quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn Hà Thị L

4.Án phí: Chị Hà Thị U và anh Nguyễn Văn S phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị Hà Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Hà Thị L số tiền tạm ứng án phí 6.750.000đ mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004142 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Quan Hoá;
- Chi cục THADS huyện Quan Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Hỷ